

## THÔNG BÁO

### về việc công khai lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 2961/QĐ-UBND ngày 26/6/2018 của UBND thành phố Đồng Hới về việc đấu giá quyền sử dụng 70 thửa đất thuộc Dự án Khu dân cư phía Tây đường Hữu Nghị, phường Bắc Lý, thành phố Đồng Hới;

Căn cứ Quyết định số 2962/QĐ-UBND ngày 26/6/2018 của UBND thành phố Đồng Hới về việc đấu giá quyền sử dụng 41 thửa đất ở thuộc Dự án Khu dân cư phía ven sông Lệ Kỳ dọc theo tuyến đường 36m, phường Đức Ninh Đông, thành phố Đồng Hới;

Căn cứ Quyết định số 2963/QĐ-UBND ngày 26/6/2018 của UBND thành phố Đồng Hới về việc đấu giá quyền sử dụng 84 thửa đất ở thuộc Dự án Khu dân cư phía Tây Bắc đường Lê Lợi, phường Đức Ninh Đông, thành phố Đồng Hới,

Sở Xây dựng thông báo công khai lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản với các nội dung như sau:

**a. Tên địa chỉ của người có tài sản bán đấu giá:**

Tên đơn vị: Sở Xây dựng Quảng Bình.

Địa chỉ: 59 – Lý Thường Kiệt, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

**b. Tên tài sản, số lượng, chất lượng của tài sản đấu giá:**

Tài sản: Quyền sử dụng đất.

Thông tin cụ thể của tài sản đấu giá: *(Phụ lục kèm theo)*.

**c. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:**

Mọi tổ chức đấu giá tài sản phải có đầy đủ các tiêu chí theo quy định tại khoản 4 Điều 56 Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 và các tiêu chí khác do Sở Xây dựng Quảng Bình quy định, cụ thể như sau:

- Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp hoặc Sở Tư pháp công bố;

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá;

- Phải xây dựng và đề xuất phương án tổ chức cuộc đấu giá khả thi, hiệu quả;

- Có năng lực, kinh nghiệm và uy tín tổ chức đấu giá tài sản;

- Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp;

- Đơn vị đăng ký phải cam kết bảo mật thông tin về cuộc đấu giá và thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định về đấu giá tài sản.

**d. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá**

Thời gian nhận hồ sơ từ 8 giờ 00 phút ngày 18/7/2018 đến 17 giờ 00 phút ngày 20/7/2018 (trong giờ hành chính các ngày làm việc).

Địa điểm: Sở Xây dựng Quảng Bình.

Địa chỉ: 59 – Lý Thường Kiệt, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Điện thoại liên hệ: 0232.3851748.

Sở Xây dựng thông báo để các tổ chức đấu giá tài sản và các cơ quan, đơn vị liên quan được biết, phối hợp thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (báo cáo);
- UBND thành phố Đồng Hới;
- Phòng TN-MT thành phố Đồng Hới;
- Website tỉnh Quảng Bình;
- Website Sở Xây dựng;
- Website Sở Tư pháp;
- Website Quỹ Phát triển đất tỉnh;
- Lưu: VT, QLN. *uy*

Đề đăng TB

**GIÁM ĐỐC**



**Lê Anh Tuấn**

**Phụ lục 01**  
**DANH SÁCH 41 THỬA ĐẤT THUỘC DỰ ÁN KHU DÂN CƯ VEN SÔNG**  
**XÂY DỰNG KỶ DỤC THEO TUYẾN ĐƯỜNG 36M,**  
**PHƯỜNG ĐỨC NINH ĐÔNG, THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI**  
*(Kèm theo Thông báo số.../TB-SXD ngày... tháng... năm 2018 của Sở*  
*Xây dựng)*

STT	Tên lô đất	Thửa đất số	Tờ BĐ số	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Ghi chú
<b>1. Khu BT</b>					
1.1. Lô đất có ký hiệu BT1 đến BT6, hướng Đông Bắc (đường rộng 36,0m)					
1	BT1	662	11	274,8	2 mặt tiền
2	BT2	663	11	308,2	
3	BT3	664	11	323,3	
4	BT4	665	11	332,4	
5	BT5	666	11	345,7	2 mặt tiền
6	BT6	667	11	626,5	2 mặt tiền
<b>Cộng: 06 thửa đất</b>				<b>2.210,9</b>	
1.2. Lô đất có ký hiệu BT11 đến BT21, hướng Đông (đường rộng 36,0m)					
1	BT11	668	11	343,0	
2	BT12	670	11	354,4	
3	BT13	673	11	358,8	
4	BT14	674	11	356,1	
5	BT15	675	11	346,5	
6	BT16	676	11	329,7	
7	BT17	623	15	305,7	
8	BT18	624	15	457,2	2 mặt tiền
9	BT19	627	15	319,4	2 mặt tiền
10	BT20	630	15	278,6	
11	BT21	632	15	304,0	

STT	Tên lô đất	Thửa đất số	Tờ BĐ số	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Ghi chú
<b>Cộng: 11 thửa đất</b>				<b>3.753,4</b>	
<b>2. Khu A</b>					
Các lô đất có ký hiệu từ A4 đến A6 và A8 đến A10, hướng Tây (đường rộng 13,0m)					
1	A4	669	11	157,5	
2	A5	671	11	157,5	
3	A6	672	11	172,4	
4	A8	621	15	157,5	
5	A10	625	15	289,0	2 mặt tiền
<b>Cộng: 06 thửa đất</b>				<b>933,9</b>	
<b>3. Khu B</b>					
Các lô đất có ký hiệu từ B1 đến B9, hướng Tây (đường rộng 13,0m)					
1	B1	626	15	269,5	2 mặt tiền
2	B2	628	15	192,0	
3	B3	629	15	192,0	
4	B4	631	15	192,0	
5	B5	633	15	192,0	
6	B6	634	15	192,0	
7	B7	635	15	192,0	
8	B8	636	15	192,0	
9	B9	637	15	192,0	
<b>Cộng: 09 thửa đất</b>				<b>1.805,5</b>	
<b>4. Khu D</b>					
4.1 Các lô đất có ký hiệu từ D5 đến D10 và D12, hướng Bắc (đường rộng 10,5m)					
1	D5	522	15	168,0	
2	D6	521	15	168,0	
3	D7	520	15	168,0	
4	D8	519	15	168,0	

STT	Tên lô đất	Thửa đất số	Tờ BĐ số	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Ghi chú
5	D9	518	15	168,0	
6	D10	517	15	168,0	
7	D12	515	15	273,0	
<b>Cộng: 07 thửa đất</b>				<b>1.281,0</b>	
<b>4.2 Các lô đất có ký hiệu D13 và D19, hướng Nam (đường rộng 13m)</b>					
1	D13	528	15	246,7	
2	D19	534	15	168,0	
<b>Cộng: 02 thửa đất</b>				<b>414,7</b>	
<b>5. Khu E</b>					
<b>Lô đất có ký hiệu từ E12, hướng Bắc (đường rộng 10,5m)</b>					
	E12	610	15	168,9	2 mặt tiền
<b>Cộng: 01 thửa đất</b>				<b>168,9</b>	
<b>Tổng cộng: 41 thửa đất</b>				<b>10.568,3</b>	

*a*

**Phụ lục 02**  
**DANH SÁCH 84 THỬA ĐẤT THUỘC DỰ ÁN KHU DÂN CƯ PHÍA TÂY BẮC**  
**ĐƯỜNG LÊ LỢI, PHƯỜNG ĐỨC NINH ĐÔNG, THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI**  
 (Xem theo Thông báo số 2119...../TB-SXD ngày 18 tháng 7 năm 2018  
 của Sở Xây dựng)

STT	Tên lô đất quy hoạch	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Ghi chú
<b>1. Các thửa đất từ 657 đến 660, tờ BĐDC số 15; 433 đến 437, tờ BĐDC số 14; mặt tiền đường Lê Lợi, có hướng Đông Nam</b>					
1	OM1-1	657	15	175,0	
2	OM1-2	658	15	175,0	
3	OM1-3	659	15	175,0	
4	OM1-4	660	15	175,0	
5	OM1-5	433	14	175,0	
6	OM1-6	434	14	175,0	
7	OM1-7	435	14	175,0	
8	OM1-8	436	14	175,0	
9	OM1-9	437	14	175,0	
<b>Cộng: 09 thửa đất</b>				<b>1.575,0</b>	
<b>2. Các thửa đất từ 422, 424 đến 428, 432, tờ BĐDC số 14; có hướng Tây Bắc (Đường rộng 15m)</b>					
1	OM2-32	422	14	154,0	
2	OM2-34	424	14	154,0	
3	OM2-35	425	14	154,0	
4	OM2-36	426	14	154,0	
5	OM2-37	427	14	154,0	
6	OM2-38	428	14	154,0	
7	OM2-42	432	14	229,5	2 mặt tiền
<b>Cộng: 07 thửa đất</b>				<b>1.153,5</b>	
<b>3. Các thửa đất từ 478 đến 487, tờ BĐDC số 14; mặt tiền đường Lê Lợi, có hướng Đông Nam</b>					
1	OM3-14	478	15	175,0	
2	OM3-15	479	15	175,0	
3	OM3-16	480	14	175,0	
4	OM3-17	481	14	175,0	
5	OM3-18	482	14	175,0	
6	OM3-19	483	14	175,0	
7	OM3-20	484	14	175,0	
8	OM3-21	485	14	175,0	

STT	Tên lô đất quy hoạch	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Ghi chú
9	OM3-22	486	15	175,0	
10	OM3-23	487	14	262,5	2 mặt tiền
<b>Cộng: 10 thửa đất</b>				<b>1.837,5</b>	
<b>4. Các thửa đất từ 466 đến 468, 473 đến 475, tờ BĐDC số 14; có hướng Tây Bắc (Đường rộng 15m)</b>					
1	OM4-45	466	14	154,0	
2	OM4-46	467	14	154,0	
3	OM4-47	468	14	154,0	
4	OM4-48	469	14	154,0	
5	OM4-52	473	14	154,0	
6	OM4-53	474	14	154,0	
7	OM4-54	475	14	229,4	2 mặt tiền
<b>Cộng: 07 thửa đất</b>				<b>1.153,4</b>	
<b>5. Các thửa đất từ 560 đến 567, tờ BĐDC số 14; mặt tiền đường Lê Lợi, có hướng Đông Nam</b>					
1	OM5-24	560	14	262,4	2 mặt tiền
2	OM5-25	561	14	175,0	
3	OM5-26	562	14	175,0	
4	OM5-27	563	14	175,0	
5	OM5-28	564	14	175,0	
6	OM5-29	565	14	175,0	
7	OM5-30	566	14	175,0	
8	OM5-31	567	14	175,0	
<b>Cộng: 08 thửa đất</b>				<b>1.487,4</b>	
<b>6. Các thửa đất từ 552 đến 558, tờ BĐDC số 14; có hướng Tây Bắc (Đường rộng 15m)</b>					
1	OM6-55	552	14	229,5	2 mặt tiền
2	OM6-56	553	14	154,0	
3	OM6-57	554	14	154,0	
4	OM6-58	555	14	154,0	
5	OM6-59	556	14	154,0	
6	OM6-60	557	14	154,0	
7	OM6-61	558	14	154,0	
<b>Cộng: 07 thửa đất</b>				<b>1.153,5</b>	
<b>7. Các thửa đất 593, 594, từ 413 đến 418, 421, tờ BĐDC số 14; có hướng Đông Nam (Đường rộng 15m)</b>					
1	OM7-63	593	14	257,0	2 mặt tiền
2	OM7-64	594	14	154,0	
3	OM7-65	413	14	154,0	

STT	Tên lô đất quy hoạch	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Ghi chú
4	OM7-66	414	14	154,0	
5	OM7-67	415	14	154,0	
6	OM7-68	416	14	154,0	
7	OM7-69	417	14	154,0	
8	OM7-70	418	14	154,0	
9	OM7-73	421	14	229,4	2 mặt tiền
<b>Cộng: 09 thửa đất</b>				<b>1.564,4</b>	
<b>8. Các thửa đất từ 585 đến 590, 592, tờ BĐDC số 14; có hướng Tây Bắc (Đường rộng 15m)</b>					
1	OM8-95	585	14	376,3	2 mặt tiền
2	OM8-96	586	14	154,0	
3	OM8-97	587	14	154,0	
4	OM8-98	588	14	154,0	
5	OM8-99	589	14	154,0	
6	OM8-100	590	14	154,0	
7	OM8-102	592	14	229,5	2 mặt tiền
<b>Cộng: 07 thửa đất</b>				<b>1.375,8</b>	
<b>9. Thửa đất 452, tờ BĐDC số 14; có hướng Đông Nam (Đường rộng 15m)</b>					
	OM9-74	452	14	229,5	2 mặt tiền
<b>Cộng: 01 thửa đất</b>				<b>229,5</b>	
<b>10. Các thửa đất 440, 451, tờ BĐDC số 14; có hướng Tây Bắc (Đường rộng 15m)</b>					
1	OM10-103	440	14	229,4	2 mặt tiền
2	OM10-114	451	14	229,4	2 mặt tiền
<b>Cộng: 02 thửa đất</b>				<b>458,8</b>	
<b>11. Các thửa đất 543, 544, tờ BĐDC số 14; có hướng Đông Nam (Đường rộng 15m)</b>					
1	OM11-86	543	14	229,6	2 mặt tiền
2	OM11-87	544	14	154,0	
<b>Cộng: 02 thửa đất</b>				<b>383,6</b>	
<b>12. Thửa đất 531, tờ BĐDC số 14; có hướng Tây Bắc (Đường rộng 15m)</b>					
	OM12-115	531	14	229,5	2 mặt tiền
<b>Cộng: 01 thửa đất</b>				<b>229,5</b>	
<b>13. Thửa đất 509, tờ BĐDC số 14; có hướng Tây Bắc (Đường rộng 15m)</b>					
	OM14-133	509	14	207,5	2 mặt tiền
<b>Cộng: 01 thửa đất</b>				<b>207,5</b>	
<b>14. Thửa đất 508, tờ BĐDC số 14; có hướng Đông Nam (Đường rộng 15m)</b>					

STT	Tên lô đất quy hoạch	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Ghi chú
	OM15-150	508	14	140,0	
<b>Cộng: 01 thửa đất</b>				<b>140,0</b>	
<b>15. Các thửa đất từ 494 đến 496, tờ BĐDC số 14; có hướng Tây Bắc (Đường rộng 15m)</b>					
1	OM16-157	494	14	140,0	
2	OM16-158	495	14	140,0	
3	OM16-159	496	14	140,0	
<b>Cộng: 03 thửa đất</b>				<b>420,0</b>	
<b>16. Các thửa đất từ 540 đến 542, tờ BĐDC số 14; có hướng Tây Nam (Đường rộng 27m)</b>					
1	BT1-3	540	14	332,6	2 mặt tiền
2	BT1-2	541	14	324,1	
3	BT1-1	542	14	332,5	2 mặt tiền
<b>Cộng: 03 thửa đất</b>				<b>989,2</b>	
<b>17. Các thửa đất từ 518 đến 520, tờ BĐDC số 14; có hướng Tây Nam (Đường rộng 27m)</b>					
1	BT2-6	518	14	315,1	2 mặt tiền
2	BT2-5	519	14	281,2	
3	BT2-4	520	14	309,4	2 mặt tiền
<b>Cộng: 03 thửa đất</b>				<b>905,7</b>	
<b>18. Các thửa đất từ 497 đến 499, tờ BĐDC số 14; có hướng Tây Nam (Đường rộng 27m)</b>					
1	BT3-9	497	14	358,3	2 mặt tiền
2	BT3-8	498	14	309,1	
3	BT3-7	499	14	332,2	2 mặt tiền
<b>Cộng: 03 thửa đất</b>				<b>999,6</b>	
<b>Tổng cộng: 84 thửa đất</b>				<b>16.263,9</b>	

**Phụ lục 03**  
**DANH SÁCH 70 THỦA ĐẤT THUỘC DỰ ÁN KHU DÂN CƯ PHÍA TÂY**  
**ĐƯỜNG HIỮU NGHĨ, PHƯỜNG BẮC LÝ, THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI**  
 (Kèm theo Thông báo số 229...../TB-SXD ngày 18...tháng 7...năm 2018  
 của Sở Xây dựng)



STT	Tên lô đất quy hoạch	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Ghi chú
<b>1. Các lô đất có ký hiệu từ A5-01 đến A5-06, hướng Đông (đường rộng 15m)</b>					
1	A5-01	173	101	149,5	
2	A5-02	174	101	116,2	
3	A5-03	175	101	135,0	
4	A5-04	176	101	134,4	
5	A5-05	179	101	134,6	
6	A5-06	180	101	134,7	
<b>Cộng: 06 lô đất</b>				<b>804,4</b>	
<b>2. Khu A6</b>					
<b>2.1. Các lô đất ký hiệu từ A6-01 đến A6-16 có hướng Bắc (Đường rộng 13m)</b>					
1	A6-01	108	102	99,6	2 mặt tiền
2	A6-02	109	102	112,0	
3	A6-03	110	102	112,0	
4	A6-04	111	102	112,0	
5	A6-05	112	102	112,0	
6	A6-06	113	102	112,0	
7	A6-07	114	102	112,0	
8	A6-08	115	102	112,0	
9	A6-09	116	102	112,0	
10	A6-10	117	102	112,0	
11	A6-11	118	102	112,0	
12	A6-12	119	102	112,0	

9

13	A6-13	120	102	112,0	
14	A6-14	121	102	112,0	
15	A6-15	122	102	112,0	
16	A6-16	123	102	99,1	2 mặt tiền
<b>Cộng: 16 lô đất</b>				<b>1.766,7</b>	

2.2. Các lô đất ký hiệu từ A6-17 đến A6-32 có hướng Nam (Đường rộng 15m)

1	A6-17	125	102	100,4	2 mặt tiền
2	A6-18	126	102	112,0	
3	A6-19	127	102	112,0	
4	A6-20	128	102	112,0	
5	A6-21	129	102	112,0	
6	A6-22	130	102	112,0	
7	A6-23	131	102	112,0	
8	A6-24	132	102	112,0	
9	A6-25	133	102	112,0	
10	A6-26	134	102	112,0	
11	A6-27	135	102	112,0	
12	A6-28	136	102	112,0	
13	A6-29	137	102	112,0	
14	A6-30	138	102	112,0	
15	A6-31	139	102	112,0	
16	A6-32	140	102	99,2	2 mặt tiền
<b>Cộng: 16 lô đất</b>				<b>1.767,6</b>	

**3. Khu A19**

3.1. Các lô đất có ký hiệu A19-01 đến A19-05, hướng Tây (đường rộng 13,5m)

1	A19-01	141	102	161,0	
2	A19-02	143	102	161,0	
3	A19-03	145	102	161,0	
4	A19-04	147	102	161,0	
5	A19-05	149	102	192,8	

<b>Cộng: 05 lô đất</b>				<b>836,8</b>	
<b>3.2. Các lô đất có ký hiệu A19-06 đến A19-08 và A19-16 đến A19-18, hướng Nam (đường rộng 13,0m)</b>					
1	A19-06	151	102	192,7	2 mặt tiền
2	A19-07	152	102	158,6	
3	A19-08	153	102	156,0	
4	A19-16	160	102	169,4	
5	A19-17	161	102	140,0	
6	A19-18	162	102	140,0	
<b>Cộng: 06 lô đất</b>				<b>956,7</b>	
<b>3.3. Các lô đất có ký hiệu A19-09 đến A19-14, hướng Đông (đường rộng 5,0m)</b>					
1	A19-09	156	102	134,7	2 mặt tiền
2	A19-10	150	102	168,8	
3	A19-11	148	102	139,5	
4	A19-12	146	102	142,9	
5	A19-13	144	102	152,1	
6	A19-14	142	102	167,6	
<b>Cộng: 06 lô đất</b>				<b>905,6</b>	
<b>3.4. Lô đất có ký hiệu A19-15, hướng Tây (đường rộng 5,0m)</b>					
	A19-15	158	102	159,1	
<b>Cộng: 01 lô đất</b>				<b>159,1</b>	
<b>4. Lô đất có ký hiệu A3-12, hướng Nam (đường rộng 15,0m)</b>					
	A3-12	142	101	179,7	2 mặt tiền
<b>Cộng: 01 lô đất</b>				<b>179,7</b>	
<b>5. Các lô đất có ký hiệu A4-01 hướng Tây (đường rộng 13,0m)</b>					
1	A4-01	137	101	135,7	2 mặt tiền
2	03-30	404	41	136,5	
<b>Cộng: 02 lô đất</b>				<b>272,2</b>	
<b>6. Các lô đất có ký hiệu OM1-07 hướng Bắc (đường rộng 13,0m)</b>					
1	OM1-07	84	42	142,0	

2	05-1	117	42	179,0	
3	05-3	115	42	126,0	
<b>Cộng: 03 lô đất</b>				<b>447,0</b>	
<b>7. Lô đất có ký hiệu 02-48 hướng Nam (đường rộng 13,0m)</b>					
	02-48	411	41	215,8	2 mặt tiền
<b>Cộng: 01 lô đất</b>				<b>215,8</b>	
<b>8. Các lô đất hướng Đông (đường rộng 15,0m)</b>					
1	03-9	374	41	136,5	
2	03-10	376	41	136,5	
3	03-14	407	41	136,5	
4	03-15	409	41	136,5	
5	03-16	435	41	154,0	2 mặt tiền
6	03-17	437	41	154,0	2 mặt tiền
7	03-22	447	41	231,2	2 mặt tiền
<b>Cộng: 07 lô đất</b>				<b>1.085,2</b>	
<b>Tổng cộng: 70 lô đất</b>				<b>9.396,8</b>	